

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 04-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy

Các hội thẩm nhân dân: ông Trương Văn Cường, ông Nguyễn Duy Chấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST, ngày 16/3/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/QĐXXST-HS, ngày 16/3/2018 đối với bị cáo:

Lê Văn H, sinh ngày 08/08/1997; tại tỉnh Đắc Nông; Nơi đăng ký NKTT và trú tại: TDP a, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắc Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H1, sinh năm 1968; Con bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970, đồng trú tại TDP a, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắc Nông; Tiền sự: Ngày 19/9/2012, UBND huyện Đắc Mil quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản” khi mới 15 tuổi 22 ngày, đến ngày 20/9/2014 chấp hành xong. Tiền án: Ngày 13/11/2016, TAND huyện Đắc Mil xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, ngày 13/11/2016 chấp hành xong hình phạt. Bị bắt, tạm giam ngày 30/11/2017, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắc Mil - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Quang Nhất V, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

2. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1937, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP a, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

2. Chị Hà Thị P, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP a, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

3. Chị Trương Thị Bích T2, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã Nhân Cơ, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Anh Lê Văn H1, sinh năm 1968, vắng mặt

Địa chỉ: TDP a, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 29/11/2017, Lê Văn H nảy sinh ý định đi tìm nhà dân nào sơ hở để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đi bộ từ nhà mình về hướng xã D, huyện M, tỉnh Đắk Nông tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Quang Nhất V, thấy nhà đang khóa cửa bên ngoài, quan sát xung quanh không thấy có ai nên Lê Văn H đi vào, đến sân thì thấy trên bờ rào bên phải để 01 tuốc nơ vít (bằng kim loại dài 18 cm), Lê Văn H lấy tuốc nơ vít đi đến cửa sổ nhà anh Nguyễn Quang Nhất V dùng tay đẩy một cánh cửa vào bên trong tạo một khe hở giữa hai cánh cửa, rồi dùng tuốc nơ vít đẩy chốt mở cửa để vào trong nhà, trong nhà có treo 03 lồng chim trong đó có 03 con chim chích chòe (01 chích chòe than, 02 chích chòe lửa) nên Lê Văn H lấy ba lồng chim đó để ở phòng khách. Sau đó, Lê Văn H đi vào phòng ngủ, thấy trên kệ gỗ phía cuối giường ngủ có 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, nên đã lấy và bỏ 02 chiếc điện thoại bỏ vào túi áo khoác và đi ra phòng khách mang 03 lồng chim mang ra để gần cửa sổ. Lúc này, Lê Văn H quan sát sang nhà chị Phạm Thị T (cạnh nhà anh Nguyễn Quang Nhất V) cũng thấy cửa nhà đang khóa và không có ai ở nhà nên Lê Văn H tiếp tục đi sang nhà chị Phạm Thị T dùng tuốc nơ vít cạy gãy chốt móc khóa cửa chính và đi vào trong nhà lục tìm tài sản. Khi vào phòng ngủ và lục trong tủ quần áo thì phát hiện thấy có một cọc tiền 11.000.000 đồng (bao gồm các mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng, 500.000 đồng) được để bên phải túi quần jean màu đen nên Lê Văn H lấy số tiền trên cất vào túi và đi sang nhà anh Nguyễn Quang Nhất V xách 03 lồng chim đi về.

Sau khi trộm cắp được tài sản, Lê Văn H bán cho chị Hà Thị P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 màu xanh đen được 150.000 đồng, bán cho bà Nguyễn Thị T1 01 lồng chim và 01 con Chích chòe lửa với giá 200.000 đồng, bán cho ông Lê Văn H1 01 lồng chim và 02 con chim(01 con chim chích chòe lửa và 01 con chim chích chòe than) với giá 500.000 đồng và bán cho bà Trương Thị Bích T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng với giá trị 300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/HĐĐGTS ngày 07/12/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 có giá trị còn lại là 1.700.000 đồng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung SM- G35511 có giá trị còn lại là 2.100.000 đồng, 01 lồng chim lớn có giá trị còn lại là 160.000 đồng, 02 lồng chim nhỏ có giá trị còn lại là 240.000 đồng, 02 con chim chích chòe lửa có giá trị còn lại là 2.000.000 đồng, 01 con chim chích chòe than có giá trị còn lại là 1.000.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị là 7.200.000 đồng.

Quá trình tạm giữ, Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nhưng sau khi khởi tố bị can, Lê Văn H đã thay đổi lời khai, phủ nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tiền 11.000.000 đồng của gia đình chị Phạm Thị T. Tuy nhiên, với những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có đủ cơ sở để xác định Lê Văn H chính là người đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 11.000.000 đồng của gia đình chị Phạm Thị T.

Như vậy, tổng số tài sản Lê Văn H chiếm đoạt có giá trị là 18.200.000 đồng (*Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 13/CTr-VKS, ngày 16/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Đề nghị hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo tù 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận Nguyễn Quang Nhất V; chị Hà Thị P, bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Văn H1, chị Trương Thị Bích T2 không yêu cầu bồi thường nên không đặt giải quyết. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Phạm Thị T số tiền 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*).

- Về vật chứng của vụ án: căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015: Chấp nhận cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả cho anh H1 số tiền 500.000 đồng, chị T số tiền 300.000 đồng; trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 màu xanh đen; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung SM- G35511; 03 lồng chim và 03 con chim Chích chòe cho anh V. Tịch thu và tiêu hủy một tuốc nơ vít dài 18 cm, do không còn giá trị sử dụng.

Ý kiến của người bị hại: anh Nguyễn Quang Nhất V không yêu cầu bồi thường, chị Phạm Thị T yêu cầu bị cáo H trả lại 11 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đối với hành vi trộm cắp tài sản nhà anh Nguyễn Quang Nhất V. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 29/11/2017, tại thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông lợi dụng sở hở trong việc quản lý tài sản của gia đình Nguyễn Quang Nhất V, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo loại 1201; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung SM-G35511; 01 lồng chim lớn; 02 lồng chim nhỏ; 02 con chim Chích chòe lửa; 01 con chim Chích chòe than. Tổng giá trị tài sản là 7.200.000 đồng.

[3] Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã phá khóa và vào nhà gia đình nhà chị T để lục lọi để tìm tài sản nhưng không có tài sản có giá trị nên bỏ đi về, nhưng không thừa nhận đã lấy số tiền 11.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, đã công bố Bản tự khai ngày 29/11/2017 (bút lục 92), biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2017 (bút lục 68), ngày 30/11/2017 (bút lục 70) ban đầu của bị cáo, bị cáo đã thừa nhận đã lấy số tiền 11 triệu đồng của gia đình chị T. Thể hiện rõ, số tiền hơn 10 triệu đồng có các loại mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng. Số tiền được ở tù quần dài màu đen được treo trong tủ treo đồ, tủ đồ trong phòng ngủ gia đình chị T. Lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với lời khai của chị T. Tại phiên tòa, bị cáo khai vì buồn ngủ và mệt mỏi nên bị cáo khai vậy, khi hỏi bị cáo không lấy số tiền 11 triệu đồng thì tại sao lại tự viết và khai đã nhận 11 triệu đồng có các mệnh giá nêu trên thì bị cáo không trả lời được. Bị cáo khai quá trình điều tra, bị cáo không bị mớm cung, không bị ép cung, không bị tra tấn, các lời khai trên bị cáo tự nguyện khai. Bị cáo khai bị cáo làm nông phụ gia đình và không có thu nhập, trước khi đi trộm cắp (ngày 29/11/2017) thì bị cáo không có tiền để tiêu xài; trong bản lấy lời khai ngày 29/11/2017 (bút lục 68) và ngày 30/11/2017 (bút lục 70), bị cáo khai thuê taxi đi ra chợ Đắk Mil và mua quần áo, thuê xe taxi đi xuống xã Thuận An chơi game, mua thẻ nạp game hết với số tiền 9,6 triệu đồng; HĐXX hỏi bị cáo tiền thuê xe taxi, mua quần áo và tiền mua thẻ nạp game ở

đâu có thì bị cáo không trả lời được. Như vậy, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Văn H đã lấy số tiền 11 triệu đồng của gia đình nhà chị Phạm Thị T.

[4] Bị cáo Lê Văn H có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của gia đình anh Nguyễn Quang Nhất V, gia đình chị Phạm Thị T, nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động, 03 lồng chim; 03 con chim có tổng giá trị là 7.200.000 đồng và 11.000.000 đồng, tổng giá trị 18.200.000 đồng, mục đích lấy tiền để tiêu xài cá nhân. Theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*”. Như vậy, hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thừa biết việc xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, bản tính lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhà anh V và chị T có tổng giá trị 18.200.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

[6] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 19/9/2012, UBND huyện Đắk Mil Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản” khi mới 15 tuổi 22 ngày, đến ngày 20/9/2014 chấp hành xong. Bản án số 25/2016/HS-ST, ngày 13/6/2016 của bị TAND huyện Đắk Mil xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, ngày 13/11/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ dân sự trong bản án, đến ngày 29/11/2017 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo học tập cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Đại diện Viện kiểm sát phân tích về áp dụng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn H 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2017. Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[8] Hoàn cảnh kinh tế của bị cáo Lê Văn H: Không công việc, không thu nhập, biên bản xác minh bị cáo không có tài sản riêng. Do đó, HĐXX không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận anh Nguyễn Quang Nhất V; chị Hà Thị P, bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Văn H1, chị Trương Thị Bích T2 không yêu cầu bồi thường nên không đặt giải quyết. **Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Phạm Thị T số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).**

[10] Xử lý vật chứng: căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015: Chấp nhận cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 màu xanh đen; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung SM- G35511; 03 lồng chim và 03 con chim Chích chòe cho anh V. Chấp nhận cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả cho anh H1 với tiền 500.000 đồng và chị T với tiền 300.000 đồng. Tịch thu và tiêu hủy một tuốc nơ vít dài 18 cm, do không còn giá trị sử dụng.

[11] Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.
 - 2.1. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 30/11/2017.
2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 42 của BLHS; Điều 584, 585, 589 của BLDS: Buộc bị cáo phải trả cho người bị hại Phạm Thị T số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).
3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015:
 - 3.1. Chấp nhận cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 màu xanh đen; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung SM- G35511; 03 lồng chim, 02 con chim Chích chòe lửa và 01 con chim Chính chòe than cho anh V, theo biên bản trả lại tài sản giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Mil với anh Nguyễn Quang Nhất V ngày 20/12/2018.

3.2. Tịch thu và tiêu hủy một tuốc nơ vít không còn giá trị sử dụng, theo biên bản giao vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Mil với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil vào ngày 16/3/2018.

3.3. Chấp nhận cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả cho anh H1 số tiền 500.000 đồng và chị T số tiền 300.000 đồng, theo biên bản trả lại tài sản ngày 30/12/2017, giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Mil với ông Lê Văn H1 và bà Trương Thị Bích T2 .

4. Về án phí HSST: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST và 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần quyền và lợi ích hợp pháp trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015

7. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- Sở tư pháp tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Đội điều tra Công an huyện ĐắkMil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS Công an huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy

